HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TÍN DỤNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM [1]

PHAN ĐĂNG HẢI *

Tóm tắt: *Phát triển bền vững đang trở thành định hướng chiến lược của nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, trong đó hệ thống tài chính - ngân hàng giữ vai trò then chốt trong phân bổ nguồn lực cho các hoạt động thân thiện với môi trường và xã hội. Ở Việt Nam, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tín dụng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững được xem là nhiệm vụ quan trọng, vừa bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng, vừa thúc đẩy tài chính toàn diện và tăng trưởng xanh. Bài viết tập trung phân tích thực trạng pháp luật về tín dụng, qua đó chỉ ra những hạn chế và khoảng trống pháp lí cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam.*

Từ khoá: Phát triển bền vững; tài chính toàn diện; tín dụng xanh; hoàn thiện pháp luật

Nhận bài: 12/12/2025 Hoàn thành biên tập: 30/4/2026 Duyệt đăng: 30/4/2026

IMPROVING THE LEGAL FRAMEWORK ON CREDIT TO MEET THE REQUIREMENTS OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM

Abstract: *Sustainable development has become a strategic orientation for many countries and international organisations, with the financial and banking system playing a pivotal role in allocating resources to environmentally and socially responsible activities. In Vietnam, the development and improvement of the legal framework for credit to meet the requirements of sustainable development is considered a critical task, aiming at ensuring the safety of the banking system while promoting financial inclusion and green growth. This article analyses the current state of the legal framework on credit in light of sustainable development requirements in Vietnam, thereby identifying existing limitations and legal gaps that warrant further improvement.*

Keywords: Sustainable development; financial inclusion; green credit; improving the law

Received: 12 December 2025; Editing completed: 30 April 2026; Accepted for publication: 30 April 2026

1. Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế hiện đại, ngân hàng được ví như huyết mạch của nền kinh tế, tuy không trực tiếp tạo ra của cải vật chất nhưng thông qua chức năng trung gian tài chính, hoạt động của ngành ngân hàng tác động lan tỏa đến mọi lĩnh vực kinh tế, từ đầu tư, sản xuất đến tiêu dùng và an sinh xã hội. Trong bối cảnh yêu cầu phát triển bền vững ngày càng trở nên cấp thiết, vai trò của ngân hàng không chỉ giới hạn ở việc cung cấp vốn mà còn ở khả năng định hướng dòng vốn, quản trị rủi ro môi trường-xã hội và thúc đẩy tiếp cận tài chính cho các đối tượng dễ bị tổn thương.

Về phương diện lí luận, việc lồng ghép các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào hoạt động tín dụng là xu hướng

*** Tiến sĩ, Học viện Ngân hàng**
E-mail: haipd@hvnh.edu.vn

[1] Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp Nhà nước *"Đổi mới và hoàn thiện thể chế thị trường tài chính đáp ứng yêu cầu tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới"* thuộc Chương trình Khoa học xã hội và nhân văn cấp quốc gia *"Xây dựng và hoàn thiện thể chế tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới"* - mã số KX.05/21-30.

tất yếu để bảo đảm sự hài hoà giữa lợi ích kinh tế hiện tại và nhu cầu môi trường trong tương lai. Theo đó, cơ chế tín dụng đáp ứng yêu cầu thúc đẩy phát triển bền vững theo hai hướng chính: *Thứ nhất*, thông qua thúc đẩy tài chính toàn diện, ngân hàng góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính cho các nhóm thu nhập thấp và dễ bị tổn thương, từ đó hỗ trợ sinh kế, kích thích tiết kiệm và luân chuyển vốn trong nền kinh tế - những yếu tố then chốt để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). *Thứ hai*, qua chính sách tín dụng và sản phẩm tài chính, ngân hàng tạo động lực cho thương nhân và dự án hướng tới các phương án thân thiện với môi trường và hiệu quả năng lượng, đồng thời cung cấp tư vấn và công cụ hỗ trợ để nâng cao năng lực bền vững của bên vay.

Việt Nam là quốc gia đặc biệt dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu[2]. Sự gia tăng mức độ phơi bày trước hiểm họa của con người và tài sản là nguyên nhân chính của sự gia tăng thiệt hại kinh tế dài hạn do thiên tai liên quan đến thời tiết và khí hậu[3]. Để đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0, nhu cầu huy động nguồn lực tài chính rất lớn, trong đó khu vực tư nhân đóng vai trò quan trọng. Mặc dù Việt Nam đã bước đầu hình thành khung pháp lí về tín dụng bền vững thông qua Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhưng hệ thống này vẫn còn bộc lộ những khoảng trống và sự thiếu đồng bộ. Các quy định hiện hành chưa tích hợp rõ nét các tiêu chuẩn bền vững quốc tế, thiếu các văn bản hướng dẫn kĩ thuật chi tiết về phân loại xanh và quản trị rủi ro khí hậu, dẫn đến khó khăn trong việc thực thi thống nhất. Bên cạnh đó, thực tế triển khai cho thấy còn nhiều rào cản: các nhóm yếu thế và doanh nghiệp nhỏ vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận vốn chính thức; dù tăng trưởng nhanh, dư nợ tín dụng xanh vẫn còn tỉ trọng khiêm tốn trong tổng dư nợ nền kinh tế. Những bất cập này đặt ra yêu cầu phải có giải pháp pháp lí đột phá để khơi thông dòng vốn bền vững.

Bài viết được thực hiện thông qua việc sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp các quy định của pháp luật hiện hành về tín dụng, tài chính toàn diện và bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả sử dụng phương pháp đánh giá thực tiễn dựa trên các số liệu thống kê về khả năng tiếp cận tài chính và dư nợ tín dụng xanh để chỉ ra các rào cản hiện hữu. Bài viết cũng kết hợp phương pháp so sánh luật học, nghiên cứu các chuẩn mực quốc tế nhằm rút ra bài học kinh nghiệm và cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về tín dụng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững tại Việt Nam.

2. Khái quát về tín dụng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (World Commission on Environment and Development - WCED) định nghĩa phát

[2] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), *Báo cáo Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-20230, tầm nhìn đến năm 2050,* https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2023-06/vn_01-bao_cao_ky_thuat_nap_full.pdf, truy cập 12/4/2026.

[3] IMHEN và UNDP (2015), *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về Quản lí rủi ro thiên tai và hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu,* Nxb. Tài Nguyên - Môi trường và Bản đồ, Hà Nội, tr. 11.

triển bền vững là *"sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu của các thế hệ tương lai"*[4]. Do đó, để khái niệm bền vững thực sự có ý nghĩa là phải gắn với việc duy trì, tái tạo hoặc phục hồi một đối tượng cụ thể[5], đồng thời bao hàm chiều cạnh đạo đức về sự công bằng trong việc đánh đổi giữa các sức ép kinh tế hiện tại và nhu cầu môi trường trong tương lai[6]. Nói cách khác, phát triển bền vững khi tiếp cận hệ thống "đầu vào - quy trình - đầu ra" (input-process-output)[7], phải dựa trên sự hài hoà trong các mối quan hệ nội tại và các mối quan hệ vượt ra ngoài phạm vi của thực thể kinh tế đó[8]. Từ những phân tích trên, có thể nhận thấy định hướng phát triển bền vững trong lĩnh vực tín dụng không chỉ gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống tài chính mà còn hướng tới việc phân bổ nguồn lực một cách có trách nhiệm đối với xã hội và môi trường. Theo đó, phát triển bền vững trong hoạt động tín dụng sẽ tập trung vào hai mục tiêu chính là tài chính toàn diện và hỗ trợ các dự án sản xuất, kinh doanh ít gây hại hoặc không gây rủi ro cho môi trường (tín dụng xanh), cụ thể:

Thứ nhất, tài chính toàn diện

Liên hợp quốc đã khẳng định tài chính toàn diện là công cụ then chốt để thực hiện nhiều mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt trong giảm nghèo, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng bao trùm[9]. Thông qua dữ liệu Global Findex cho thấy ở những quốc gia có tỉ lệ người dân được tiếp cận tín dụng chính thức cao hơn thì mức độ phát triển kinh tế-xã hội bền vững cũng cao hơn[10].

Từ đó, có thể thấy một khía cạnh quan trọng khác của cơ chế tín dụng bền vững là mở rộng cơ hội tiếp cận vốn cho nhiều nhóm đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế[11] và doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs). Đây chính là nội dung của tài chính toàn diện, được coi là một trụ cột của phát triển bền vững khi việc mở rộng tiếp cận tài chính giúp giảm bất bình đẳng, tăng cường tăng trưởng bao

---

[4] World Commission on Environment and Development (WCED) (1987), *Our Common Future*, Oxford UP, Oxford, tr. 8.

[5] Mark Diesendorf (2000), "Sustainability and Sustainable Development", *Sustainability: The Corporate Challenge of the 21st Century*, David Dunphy, James Benveniste, Andrew Griffiths và Philip Sutton (đồng chủ biên), Allen & Unwin, Sydney, tr. 22

[6] Wilkinson, A., Hill, M., & Gollan, P. (2001), "The sustainability debate", *International Journal of Operations & Production Management*, Vol. 21, No. 12, tr. 1492.

[7] Pasmore, W. A. (1988), *Designing effective organizations: The Sociotechnical systems perspective*, Vol. 6, John Wiley & Son Inc, New York, tr. 2.

[8] Nguyễn Đức Kiên, Phan Hồng Mai (2019), *Hoàn thiện thể chế để phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam minh bạch, hiệu quả và bền vững*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 31.

[9] United Nations (2015), *Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development*, UN General Assembly, tr. 11.

[10] Demirgüç-Kunt, A., Klapper, L., Singer, D., Ansar, S., & Hess, J. (2018), *The Global Findex Database 2017: Measuring Financial Inclusion and the Fintech Revolution*, World Bank, https://documents1.worldbank.org/curated/en/332881525873182837/pdf/126033-PUB-PUBLIC-pubdate-4-19-2018.pdf, truy cập 12/12/2025.

[11] Nhóm người yếu thế (hay nhóm thiệt thòi, nhóm xã hội dễ bị tổn thương - vulnerable groups) là những nhóm xã hội đặc biệt, có hoàn cảnh khó khăn hơn, có vị thế xã hội thấp kém hơn so với các nhóm xã hội "bình thường" có những đặc điểm tương tự. Xem: Sastry, T. S. N. (2012), *Human rights of vulnerable & disadvantaged groups* (1st Edition), Pune: University of Pune, tr. 11-12.

trùm và góp phần ổn định xã hội. Trên cơ sở các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành[12], đối tượng người yếu thế được xác định về cơ bản thêm và bớt một số nhóm đối tượng so với liệt kê của Sách trắng về quyền con người[13]. Cụ thể, khái niệm người yếu thế trong quan hệ tín dụng được tiếp cận theo nghĩa rộng, bao gồm các nhóm đối tượng như: người nghèo (hộ gia đình nghèo, cá nhân thuộc hộ nghèo, kể cả các trường hợp cận nghèo hoặc mới thoát nghèo), doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp nhỏ, người dân tộc thiểu số, phụ nữ, người khuyết tật, người cao tuổi, người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người bán dâm đã hoàn lương, cũng như người đã chấp hành xong hình phạt tù.

Ở Việt Nam, Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ) đặt ra yêu cầu mọi người dân và doanh nghiệp đều có khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính an toàn, hợp lí. Điều đó cho thấy cơ chế tín dụng bền vững không chỉ dừng lại ở khía cạnh kinh tế mà còn phải bao gồm việc hoàn thiện khung pháp luật nhằm bảo đảm sự công bằng, minh bạch và khả năng tiếp cận tín dụng của mọi chủ thể, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm. Nội dung này được thể hiện rõ trong các nhiệm vụ mà ngành ngân hàng được giao tại Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Thứ hai, tín dụng xanh

Một thành tố then chốt khác của cơ chế tín dụng bền vững là định hướng dòng vốn tín dụng vào các mục tiêu phát triển xanh, thân thiện với môi trường. Đây chính là nội dung của tín dụng xanh, được coi là công cụ tài chính góp phần ứng phó biến đổi khí hậu, giảm phát thải và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP)[14], nền kinh tế xanh được hiểu là một mô hình kinh tế hướng tới việc nâng cao chất lượng đời sống con người và thúc đẩy công bằng xã hội, đồng thời hạn chế các rủi ro đối với môi trường và sự suy giảm của các hệ sinh thái. Một trong những nội dung nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh là vận động nguồn lực tài chính của khối để định hướng đầu tư. Tín dụng xanh không chỉ nâng cao trách nhiệm xã hội của ngân hàng mà còn giúp giảm thiểu rủi ro dài hạn và mở ra thị trường tài chính mới[15].

Ngân hàng Thế giới cũng khẳng định rằng việc lồng ghép các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào hoạt động tín dụng là xu hướng tất yếu để bảo đảm phát

[12] Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

[13] Bộ Ngoại giao (2018), *Bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người ở Việt Nam*, https://pbgdpl.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/HoatdongPBGDPLotrun/Attachments/3293/Sach%20trang%20ve%20quyen%20con%20nguoi%202018.pdf, truy cập 12/8/2025.

[14] UNEP (2011), *Hướng tới nền kinh tế xanh: Lộ trình cho phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo*, Bản dịch của Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 13.

[15] Weber, O., & Feltmate, B. (2016), *Sustainable Banking: Managing the Social and Environmental Impact of Financial Institutions*, University of Toronto Press, tr. 3.

triển bền vững[16]. Ở Trung Quốc, tín dụng xanh đã được triển khai mạnh mẽ, trở thành một trong những công cụ chính sách tài chính quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng xanh[17]. Theo báo cáo đánh giá của PwC năm 2022, Việt Nam được xếp vào nhóm các quốc gia chịu tác động nghiêm trọng từ biến đổi khí hậu, với tổng thiệt hại kinh tế ước khoảng 523 tỉ USD, tương đương 14,5% GDP vào năm 2050, đồng thời có nguy cơ đẩy khoảng một triệu người rơi vào tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2030. Để thực hiện lộ trình phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0, Việt Nam cần huy động thêm nguồn lực đầu tư tương đương 6,8% GDP, tức khoảng 368 tỉ USD đến năm 2040, trong đó 184 tỉ USD được kì vọng đến từ khu vực tài chính tư nhân[18]. Trước bối cảnh này, có thể thấy nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam đang và sẽ tiếp tục phải đối mặt với những thách thức ngày càng lớn trong việc huy động và hỗ trợ nguồn lực tài chính nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi đến môi trường và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

[16] World Bank (2020), *Green Finance: A Bottom-Up Approach to Tracking Green Investments*, World Bank Group, https://documents1.worldbank.org/curated/en/788041573021878350/pdf/Full-Report.pdf, truy cập 22/12/2025.

[17] Zhang, B., Yang, Y., & Bi, J. (2011), "Tracking the Implementation of Green Credit Policy in China: Top-Down Perspective and Bottom-Up Reform", *Journal of Environmental Management*, 92(4), tr. 1321 - 1327.

[18] PWC Việt Nam (2022), *Thúc đẩy thực hành ESG trong ngành dịch vụ tài chính Việt Nam*, https://www.pwc.com/vn/vn/publications/2022/pwc-vietnam-esg-financial-services-2022.pdf, truy cập 09/9/2025.

3. Thực trạng pháp luật về tín dụng nhằm đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững ở Việt Nam

Trên cơ sở những mục tiêu của phát triển bền vững, thực trạng pháp luật về tín dụng được triển khai theo các nội dung tương ứng.

Thứ nhất, tín dụng gắn với mục tiêu tài chính toàn diện

Trước khi Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành, Chính phủ đã chủ động xây dựng và triển khai nhiều chương trình, đề án và chiến lược khác nhau nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện, qua đó đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo cũng như phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Song song với đó, hệ thống văn bản pháp luật ở các cấp độ khác nhau cũng từng bước được hoàn thiện, bao gồm Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Hợp tác xã năm 2023, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP), Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô… Bên cạnh những kết quả đạt được, khung pháp lí điều chỉnh hoạt động của các định chế tài chính chuyên

biệt như Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đang bộc lộ những điểm chưa đồng bộ, gây trở ngại cho mục tiêu tài chính toàn diện. Cụ thể, cơ chế tài chính và việc đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng này hiện vẫn dựa trên các văn bản đã lạc hậu như Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg). Sự tồn tại của các quy định cũ này tạo nên sự thiếu thống nhất với hệ thống pháp luật mới ban hành, đặc biệt là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và Luật Đầu tư công năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), dẫn đến những vướng mắc trong việc xác định năng lực tài chính và hiệu quả vận hành thực chất của Ngân hàng. Do đó, việc nghiên cứu, xây dựng nghị định mới thay thế các quyết định nêu trên là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm sự phù hợp với Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 (theo Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

Về tình hình thực thi, sau hơn 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, với việc triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp trên cơ sở định hướng và chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, việc tiếp cận và sử dụng sản phẩm, dịch vụ tài chính của người dân, doanh nghiệp Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra: 6/6 mục tiêu cụ thể đã thực hiện đúng định hướng Chiến lược, 6/9 chỉ tiêu phấn đấu đã hoàn thành, vượt mục tiêu đề ra. Trong đó, tỉ lệ người trưởng thành có tài khoản thanh toán tại ngân hàng đạt 86,97% (vượt mục tiêu ít nhất 80%). Tỉ lệ người trưởng thành có tiết kiệm gửi tại ngân hàng trong 12 tháng qua trên tổng số người trưởng thành là 33% (vượt mục tiêu là ít nhất 25% - 30%)[19].

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế như: năng lực cung cấp dịch vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính còn hạn chế tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tập trung chủ yếu ở thành thị, vùng đông dân cư, vùng phát triển; hạ tầng tài chính chưa đồng bộ, cần tiếp tục được củng cố, nâng cấp; vấn đề an toàn, an ninh, bảo mật cần tiếp tục nâng cao; công tác truyền thông, giáo dục, nâng cao kiến thức, hiểu biết về tài chính và kĩ năng sử dụng dịch vụ tài chính cho người dân còn hạn chế[20]. Thực tiễn cho thấy nhiều rào cản vẫn còn hiện hữu trong việc tiếp cận tín dụng của các đối tượng yếu thế[21]. Tài chính vi mô dù phát triển nhưng mạng lưới MFIs còn hạn

[19] Thông tin tại Phiên họp báo cáo, ý kiến tại phiên họp lần thứ ba ngày 24/02/2026 của Ban Chỉ đạo quốc gia về tài chính toàn diện. Xem: A.Đ (2026), *Cơ bản hoàn thành 62/62 nhiệm vụ Chiến lược tài chính toàn diện giai đoạn 2020-2025*, https://thitruongtaichinhtiente.vn/co-ban-hoan-thanh-62-62-nhiem-vu-chien-luoc-tai-chinh-toan-dien-giai-doan-2020-2025-77935.html, truy cập 06/4/2026.

[20] Thông báo số 114/TB-VPCP về kết luận của Ban Chỉ đạo quốc gia về tài chính toàn diện tại Phiên họp lần thứ ba ngày 24/02/2026, https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/3/114-tb.signed.pdf, truy cập 22/3/2026.

[21] Nguyễn Thị Hòa (2024), *Triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia góp phần tạo thuận lợi để người dân tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng*, https://div.gov.vn/trien-khai-chien-luoc-tai-chinh-toan-dien-quoc-gia-gop-phan-tao-thuan-loi-de-nguoi-dan-tiep-can-dich-vu-tai-chinh-ngan-hang, truy cập 09/9/2025.

chế, vốn của các tổ chức tài chính vi mô và NHCSXH chưa đáp ứng đủ nhu cầu rất lớn từ người nghèo, cận nghèo. Qua kênh NHCSXH, người nghèo, cận nghèo, học sinh, sinh viên, dân tộc thiểu số, hộ mới thoát nghèo... mặc dù được vay vốn ưu đãi qua 26 chương trình tín dụng chính sách của NHCSXH[22] nhưng nhiều nghiên cứu cho thấy người nghèo, doanh nghiệp siêu nhỏ vẫn "gặp khó trong tiếp cận vốn", phải tìm đến tín dụng chợ đen với lãi suất cao. Thống kê của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ghi nhận 87% người lớn có tài khoản ngân hàng nhưng 62% dân số nông thôn "vẫn gặp khó trong tiếp cận tín dụng chính thống"[23]. Nguyên nhân là ngân hàng thường yêu cầu lịch sử tín dụng, thu nhập ổn định nên nhiều khách hàng thuộc nhóm yếu thế không đủ điều kiện vay vốn. Công tác giám sát thực hiện tín dụng chính sách đôi khi chưa chặt chẽ, dẫn đến một bộ phận vốn vay chưa dùng hiệu quả. Việc tích hợp các mục tiêu SDGs vào chính sách tín dụng vẫn chưa được cụ thể hoá nên khó đánh giá kết quả đạt được theo tiêu chí toàn cầu. Tóm lại, dù đã có nền tảng pháp lí khá đồng bộ cho tín dụng tài chính toàn diện, Việt Nam vẫn cần tiếp tục khắc phục các khoảng trống về cơ chế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và nâng cao năng lực cho các định chế tài chính để đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong tiếp cận tài chính.

Thứ hai, tín dụng xanh

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định chủ trương phát triển nhanh, bền vững và phát triển kinh tế xanh.

Trên nền tảng đó, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch hành động và văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường, tiêu biểu như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia... Song song với đó, việc phê duyệt Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - châu Âu (EVFTA), trong đó bao gồm các điều khoản liên quan đến ESG như bảo vệ tài sản, quyền lao động và phát triển bền vững, đã thể hiện rõ những cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với các chuẩn mực ESG.

Về phía NHNN, trong những năm gần đây, cơ quan này đã từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp lí điều chỉnh hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng đối với khách

[22] Nguyễn Việt Hưng, Trần Thị Thương Huyền, Nguyễn Thị Hồng Lanh (2024), "Tín dụng chính sách trong bức tranh tài chính toàn diện ở Việt Nam", *Tạp chí Tài chính*, Kì 1 tháng 3, https://tapchi kinhtetaichinh.vn/tin-dung-chinh-sach-trong-buc-tranh-tai-chinh-toan-dien-o-viet-nam.html, truy cập 09/9/2025.

[23] Quyền Thành (2024), *Việt Nam xếp thứ 14 về tài chính toàn diện nhưng người yếu thế vẫn khó tiếp cận vốn*, https://tienphong.vn/viet-nam-xep-thu-14-ve-tai-chinh-toan-dien-nhung-nguoi-yeu-the-van-kho-tiep-can-von-post1695717.tpo, truy cập 09/9/2025.

hàng, trong đó chú trọng phát triển tín dụng xanh gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh. Theo đó, ngày 23/12/2022, NHNN đã ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN về quản lí rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Thông tư này đặt ra yêu cầu bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng trong việc thực hiện quản lí rủi ro môi trường khi cấp tín dụng cho các nhóm dự án đầu tư có nguy cơ gây tác động tiêu cực đến môi trường, theo danh mục đã được quy định cụ thể tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Trên cơ sở Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), NHNN đã tiếp tục xây dựng, hoàn thiện pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng[24], tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng triển khai hoạt động tín dụng, trong đó có hoạt động tín dụng xanh. NHNN cũng thường xuyên rà soát tình hình thực hiện Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phù hợp với điều kiện triển khai thực tiễn. Ngày 06/8/2024, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 1663/QĐ-NHNN sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/8/2018 về Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Theo đó, NHNN tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam với mục tiêu tăng cường nhận thức và trách nhiệm xã hội của hệ thống ngân hàng đối với việc bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, từng bước xanh hoá hoạt động ngân hàng, hướng dòng vốn tín dụng vào việc tài trợ dự án thân thiện với môi trường, thúc đẩy các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh, năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Tháng 5/2025, NHNN đã phối hợp với IFC xây dựng và ban hành Sổ tay hướng dẫn hệ thống quản lí rủi ro về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Sổ tay nhằm hỗ trợ các tổ chức tín dụng trong việc lồng ghép các yếu tố môi trường-xã hội vào quá trình thẩm định và ra quyết định cấp tín dụng, giúp các tổ chức tín dụng nâng cao hiệu quả quản lí rủi ro về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, từ đó góp phần thực hiện Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Ngoài ra, NHNN đã và đang phối hợp với các bộ, ngành thống nhất nội dung đề xuất định hướng chiến lược để trình Chính phủ phê duyệt Khung đối tác quốc gia Việt Nam - WB (CPF)[25] giai đoạn

[24] Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng; Thông tư số 20/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của tổ chức tín dụng; Thông tư số 26/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho thuê tài chính của công ti tài chính tổng hợp, công ti cho thuê tài chính.

[25] Khung đối tác quốc gia Việt Nam-WB (CPF) giai

2025 - 2029, tập trung vào các nội dung: 1) Tăng trưởng xanh gắn với mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng và các ngành kinh tế với mức phát thải khí nhà kính thấp; 2) Phát triển đô thị bền vững gắn với ứng dụng công nghệ/kĩ thuật hiện đại; 3) Phát triển kinh tế có tính liên kết vùng nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công và giải quyết tốt hơn những thách thức có tính hệ thống; 4) Chuyển đổi số và phát triển nền kinh tế số.

Có thể khẳng định, tiếp cận nguồn vốn, tín dụng là một trong ba yếu tố cơ bản, bên cạnh tiếp cận công nghệ, đào tạo nhân lực để các doanh nghiệp có thể thực hiện chuyển đổi xanh[26]. Quá trình ban hành và hoàn thiện khuôn khổ pháp lí về tín dụng nói chung, cũng như tín dụng xanh và quản lí rủi ro môi trường, xã hội nói riêng đã được NHNN tích cực triển khai, qua đó góp phần nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức tín dụng và đa dạng hoá các hình thức cấp tín dụng. Điều này không chỉ tạo điều kiện cải thiện khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của người dân và doanh nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, mà còn thúc đẩy việc tài trợ cho các dự án, phương án sản xuất-kinh doanh mang lại lợi ích về môi trường và góp phần bảo vệ môi trường.

Về thực tiễn thi hành, ở góc độ vĩ mô, Việt Nam đã tích cực thu hút một số nguồn vốn quốc tế phục vụ mục tiêu xanh, như: Các tổ chức quốc tế IFC, ADB, JICA, GCF đang hỗ trợ kĩ thuật và cung cấp vốn vay ưu đãi để xây dựng công cụ đo lường khí thải, đánh giá rủi ro khí hậu, tăng cường năng lực thể chế cho tài chính xanh. Trong khuôn khổ Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) công bố tại COP27, Việt Nam cam kết huy động 15,5 tỉ USD từ các đối tác G7 và các định chế tài chính quốc tế để hỗ trợ chuyển đổi năng lượng.

Đối với các ngân hàng thương mại, một số ngân hàng đã tiên phong triển khai tín dụng xanh và tích hợp yếu tố môi trường-xã hội trong thẩm định tín dụng. Theo số liệu thống kê của NHNN Việt Nam, 100% tổ chức tín dụng đã ban hành quy định nội bộ về quản lí rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo yêu cầu tại Thông tư số 17/2022/TT-NHNN. Đến nay khoảng 60% tổ chức tín dụng đã thành lập Ban chỉ đạo xanh, Ban triển khai ESG hoặc Bộ phận phát triển bền vững phù hợp với định hướng của NHNN; 71% tổ chức tín dụng đã triển khai thực hiện, trong đó 23 tổ chức tín dụng đã công bố báo cáo phát triển bền vững. Bên cạnh đó, hiện có 5 tổ chức tín dụng cung cấp sản phẩm tiền gửi xanh, 20 tổ chức tín dụng đã huy động nguồn vốn từ các quỹ và tổ chức tài chính quốc tế; trên 60% ngân hàng phát sinh dư nợ tín dụng xanh, đồng thời 27 ngân hàng đã xây dựng các sản phẩm hoặc chương trình tín dụng chuyên biệt dành cho các ngành, lĩnh vực xanh. Đáng chú ý, tín dụng dành cho các lĩnh vực xanh trong hệ thống ngân hàng đang ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ cả về quy mô lẫn tốc độ. Nếu như năm 2017, dư nợ tín dụng xanh mới

đoạn 2025-2029 sẽ lồng ghép cam kết của WB về việc triển khai 100% các hoạt động tài trợ cho các chương trình/dự án mới phù hợp với các mục tiêu của Thỏa thuận Paris, nhằm chống lại và thích ứng với hiện tượng nóng lên toàn cầu.

[26] Hải Hà (2024), *Cơ chế thu hút tín dụng xanh cho phát triển bền vững*, https://vovgiaothong.vn/news audio/co-che-thu-hut-tin-dung-xanh-cho-phat-trien-ben-vung-d38753.html, truy cập 09/9/20205.

đạt khoảng 180 nghìn tỉ đồng, thì đến ngày 31/3/2025, đã có 58 tổ chức tín dụng phát sinh dư nợ tín dụng xanh với tổng dư nợ trên 704.244 tỉ đồng, tăng 3,57% so với cuối năm 2024 và chiếm khoảng 4,3% tổng dư nợ của toàn nền kinh tế. Dòng vốn này chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm hơn 37%) và nông nghiệp xanh (trên 29%). Trong giai đoạn 2017-2024, dư nợ tín dụng xanh đạt mức tăng trưởng bình quân hơn 21,2%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của nền kinh tế[27].

Một trong những rào cản lớn nhất của tín dụng xanh hiện nay là bài toán nguồn vốn trung và dài hạn. Các cơ chế hỗ trợ cụ thể và trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho tín dụng xanh còn rất hạn chế, dẫn đến việc thị trường này vẫn có quy mô khiêm tốn và phụ thuộc quá lớn vào nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế thay vì nội lực của hệ thống tài chính trong nước. Điều này khiến nhiều tổ chức tín dụng dù quan tâm nhưng vẫn dè dặt trong việc đẩy mạnh cho vay xanh. Bên cạnh đó, khung pháp lí và tiêu chí phân loại dự án xanh cũng là một điểm nghẽn kéo dài. Việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2026 quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được đánh giá là bước chuyển quan trọng, tạo căn cứ pháp lí để các tổ chức tín dụng triển khai tín dụng xanh một cách thống nhất. Tuy nhiên, danh mục phân loại xanh mới chỉ là điểm khởi đầu khi các quy định về cơ chế ưu tiên tín dụng xanh, các công cụ hỗ trợ cụ thể và mức độ chia sẻ rủi ro giữa nhà nước, ngân hàng và doanh nghiệp vẫn chưa được xác lập. Việc thiếu hướng dẫn chi tiết về ưu đãi, phân bổ rủi ro và cơ chế giám sát, chính sách khó tạo được hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong thực tiễn.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tín dụng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam

Để khắc phục những bất cập nêu trên và phát huy vai trò của hệ thống ngân hàng trong việc thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững, cần thiết phải xây dựng và triển khai một hệ thống giải pháp đồng bộ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật cũng như giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tín dụng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, đối với tín dụng gắn với mục tiêu tài chính toàn diện

Các cơ quan có thẩm quyền cần tiếp tục đẩy mạnh việc hoàn thiện khung pháp lí và kết cấu hạ tầng tài chính nhằm tạo nền tảng vững chắc cho tài chính toàn diện. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) liên quan đến NHCSXH, ví dụ Nghị định quy định về

[27] Theo chia sẻ của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Tọa đàm "Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030". Xem: Nhuệ Mẫn (2025), *Cẩm nang "cầm tay chỉ việc" cho vay tín dụng xanh chính thức được ban hành*, https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/cam-nang-cam-tay-chi-viec-cho-vay-tin-dung-xanh-chinh-thuc-duoc-ban-hanh-post369743.html, truy cập 13/9/2025.

cơ chế tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của NHCSXH nhằm thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, mục tiêu là bảo đảm sự phù hợp và thống nhất với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công... cũng như Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023. Văn bản này sẽ hướng tới việc khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình hoạt động của NHCSXH thời gian qua, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tài chính của Ngân hàng, tạo cơ sở để triển khai hiệu quả hơn các chương trình tín dụng chính sách phục vụ mục tiêu xoá đói, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội của Nhà nước. Bên cạnh đó, việc sớm nghiên cứu và xây dựng các quy định pháp luật để quản lí, điều chỉnh những hình thức cấp tín dụng ngoài hoạt động cho vay truyền thống của ngân hàng, cũng như các vấn đề liên quan đến tài sản ảo, tiền điện tử và các tổ chức cung ứng dịch vụ gắn với các loại tài sản này là yêu cầu cấp thiết; đồng thời cần thiết lập cơ sở pháp lí rõ ràng cho việc triển khai mạng lưới đại lí ngân hàng. Cần bảo đảm sự ổn định và nhất quán của các quy tắc và cơ sở dữ liệu về dân cư và doanh nghiệp, tăng cường liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành và hệ thống tài chính nhằm chuẩn hoá thông tin, qua đó khai thác hiệu quả và an toàn các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Về phía các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán và doanh nghiệp bảo hiểm, cần tập trung thực hiện một số định hướng trọng tâm: 1) tiếp tục sắp xếp, mở rộng độ bao phủ mạng lưới hoạt động và nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và các địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn; 2) tích cực triển khai các chiến lược phát triển kênh cung ứng, sản phẩm và dịch vụ tài chính, đặc biệt thông qua việc ứng dụng công nghệ số nhằm đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng phục vụ và gia tăng tiện ích cho khách hàng; 3) xây dựng các chính sách, giải pháp cùng các sản phẩm, dịch vụ tài chính đặc thù, phù hợp với các nhóm đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện, qua đó hỗ trợ họ tiếp cận hiệu quả các nguồn lực và dịch vụ tài chính để phát triển sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống, nâng cao phúc lợi xã hội và hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững.

Bên cạnh các giải pháp trên, cần tăng cường giáo dục tài chính, nâng cao kiến thức và năng lực tài chính cho người dân thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú và sáng tạo; đẩy nhanh việc lồng ghép giáo dục tài chính vào chương trình giáo dục phổ thông quốc gia; tiếp tục nghiên cứu, tích hợp các mục tiêu tài chính toàn diện trong các chương trình xây dựng nông thôn mới; đồng thời tăng cường bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tài chính. Việc thúc đẩy hợp tác quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ của các quốc gia và tổ chức quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình triển khai tài chính toàn diện tại Việt Nam.

Thứ hai, đối với tín dụng xanh

Hoàn thiện thể chế và khung pháp lí mang tính đồng bộ là yêu cầu cấp thiết hàng đầu để khơi thông dòng vốn tài chính xanh. Để thực hiện điều này, các cơ quan quản lí (NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và

Môi trường...) cần phối hợp chặt chẽ trong việc nội luật hoá các chuẩn mực quốc tế như TCFD, ISSB và EU Taxonomy vào hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kĩ thuật cho các sản phẩm như trái phiếu, tín dụng và bảo hiểm xanh. Việc áp dụng các chuẩn mực này không chỉ giúp Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế nghiêm ngặt về ESG trong EVFTA hay mục tiêu Net-zero tại COP26, mà còn tạo ra một "ngôn ngữ chung" để thu hút nguồn lực tài chính khổng lồ từ các định chế toàn cầu, giảm bớt sự phụ thuộc thụ động vào các nguồn vốn hỗ trợ đơn lẻ. Song song với việc định hình tiêu chuẩn, cần sớm cụ thể hoá các cơ chế hỗ trợ tài chính trực tiếp sau khi Danh mục phân loại xanh tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ được ban hành. Các hướng dẫn về ưu đãi lãi suất, cấp bù lãi suất từ ngân sách và các công cụ tái cấp vốn từ NHNN cần được triển khai đồng bộ với các quy định về chia sẻ rủi ro thông qua quỹ bảo lãnh tín dụng hoặc bảo hiểm rủi ro môi trường. Những biện pháp này đóng vai trò then chốt trong việc tháo gỡ sự dè dặt của các ngân hàng đối với các dự án có thời gian hoàn vốn dài, giúp tín dụng xanh trở thành động lực phát triển tự thân của hệ thống tài chính.

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, các tổ chức tín dụng cần ưu tiên hoàn thiện quy định nội bộ liên quan đến quản lí rủi ro môi trường-xã hội và rủi ro khí hậu trong hoạt động cấp tín dụng nhằm đáp ứng những yêu cầu, chuẩn mực mới. Song song với đó, cần đẩy mạnh đa dạng hoá các sản phẩm tài chính xanh, đồng thời tăng cường các biện pháp hỗ trợ khách hàng trong quá trình thực hiện chuyển đổi xanh. Ngoài ra, việc mở rộng hợp tác quốc tế nhằm huy động và tiếp cận các nguồn lực tài chính và hỗ trợ kĩ thuật xanh có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đồng thời, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, qua đó đáp ứng yêu cầu của mục tiêu phát triển bền vững.

Kết luận

Sự phát triển của khu vực tài chính-ngân hàng là chất xúc tác quan trọng để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững[28]. Hệ thống pháp luật về tín dụng ở Việt Nam trong thời gian qua đã có nhiều bước tiến quan trọng, từ việc mở rộng các chương trình tín dụng chính sách, thúc đẩy tài chính toàn diện, phát triển ngân hàng số, cho đến việc từng bước lồng ghép các yêu cầu môi trường-xã hội vào hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lí hiện hành vẫn còn chưa đồng bộ và chưa thực sự tích hợp rõ nét các tiêu chuẩn bền vững cũng như các cam kết quốc tế. Để hoạt động tín dụng thực sự trở thành công cụ hữu hiệu phục vụ phát triển bền vững, pháp luật cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng định hình rõ ràng tiêu chuẩn tín dụng xanh và báo cáo ESG; đa dạng hoá công cụ hỗ trợ tài chính cho nhóm yếu thế và doanh nghiệp nhỏ; đồng thời nâng cao năng lực giám sát, minh bạch hoá thông tin và ứng dụng công nghệ số. Chỉ khi đó, cơ chế tín dụng mới vừa bảo đảm ổn định tài chính, vừa lan tỏa giá trị tích cực cho xã hội và môi trường, góp phần đưa Việt Nam tiến gần hơn đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững./.

[28] Nguyễn Khánh Duyên (2018), *Vai trò của ngân hàng đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững*, http://khoahocnganhang.org.vn/news/vi/vai-tro-cua-ngan-hang-doi-voi-viec-thuc-hien-cac-muc-tieu-phat-trien-ben-vung/, truy cập 09/9/2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Ngoại giao (2018), *Bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người ở Việt Nam*, https://pbgdpl.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/HoatdongPBGDPLotrun/Attachments/3293/Sach%20trang%20ve%20quyen%20con%20nguoi%202018.pdf
2. Demirgüç-Kunt, A., Klapper, L., Singer, D., Ansar, S., Hess, J. (2018), *The Global Findex Database 2017: Measuring Financial Inclusion and the Fintech Revolution*, World Bank, https://documents1.worldbank.org/curated/en/332881525873182837/pdf/126033-PUB-PUBLIC-pubdate-4-19-2018.pdf
3. IMHEN và UNDP (2015), *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lí rủi ro thiên tai và hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu*, Nxb. Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Kiên, Phan Hồng Mai (2019), *Hoàn thiện thể chế để phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam minh bạch, hiệu quả và bền vững*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Nguyễn Việt Hưng, Trần Thị Thương Huyền, Nguyễn Thị Hồng Lanh (2024), "Tín dụng chính sách trong bức tranh tài chính toàn diện ở Việt Nam", *Tạp chí Tài chính*, Kì 1 tháng 3/2024, https://tapchikinhtetai chinh.vn/tin-dung-chinh-sach-trong-buc-tranh-tai-chinh-toan-dien-o-viet-nam.html
6. Pasmore, W. A. (1988), *Designing Effective Organizations: The Sociotechnical Systems Perspective*, Vol. 6, John Wiley & Sons Inc., New York.
7. PwC Việt Nam (2022), *Thúc đẩy thực hành ESG trong ngành dịch vụ tài chính Việt Nam*, https://www.pwc.com/vn/vn/publications/2022/pwc-vietnam-esg-financial-services-2022.pdf
8. Sastry, T. S. N. (2012), *Human Rights of Vulnerable & Disadvantaged Groups*, University of Pune.
9. Mark Diesendorf (2000), "Sustainability and Sustainable Development", *Sustainability: The Corporate Challenge of the 21st Century*, David Dunphy, James Benveniste, Andrew Griffiths và Philip Sutton (đồng chủ biên), Allen & Unwin, Sydney.
10. UNEP (2011), *Hướng tới nền kinh tế xanh: Lộ trình cho phát triển bền vững và xoá đói giảm nghèo*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Weber, O., Feltmate, B. (2016), *Sustainable Banking: Managing the Social and Environmental Impact of Financial Institutions*, University of Toronto Press.
12. Wilkinson, A., Hill, M., Gollan, P. (2001), "The sustainability debate", *International Journal of Operations & Production Management*, Vol. 21, No. 12.
13. World Bank (2020), *Green Finance: A Bottom-Up Approach to Tracking Green Investments*, World Bank Group, https://documents1.worldbank.org/curated/en/788041573021878350/pdf/Full-Report.pdf
14. World Commission on Environment and Development (1987), *Our Common Future*, Oxford University Press, Oxford.

Zhang, B., Yang, Y., Bi, J. (2011), "Tracking the Implementation of Green Credit Policy in China: Top-Down Perspective and Bottom-Up Reform", *Journal of Environmental Management*, 92(4).